

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ BIỆN PHÁP HƯỚNG DẪN HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ GHI CHÉP BÀI THEO HƯỚNG TIẾP CẬN PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Lê Thị Hiền, Phạm Thị Thanh

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Kỹ thuật ghi chép là một trong những cách thức quan trọng để phát triển khả năng tự học, tinh thần tư duy sáng tạo của người học. Tuy nhiên, việc dạy học Ngữ văn thực tế hiện nay chưa chú trọng đến việc rèn kỹ năng viết cho HS, trong đó có kỹ năng ghi chép bài trên lớp. Nhận nhận được tầm quan trọng của việc ghi bài của học sinh, chúng tôi đưa ra thực trạng dẫn đến việc ghi chép của HS chưa tốt, trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp trong việc hướng dẫn học ghi bài với mong muốn đổi mới cách thức dạy và học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng phát triển năng lực học sinh.

Từ khóa: Hình thức ghi bài, học sinh, đổi mới phương pháp, tiếp cận năng lực

Ngày nhận bài 10.10.2022; phản biện và duyệt đăng ngày 25.11.2022

Liên hệ tác giả: Lê Thị Hiền; Email: lthien@daihocthudo.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nhấn mạnh: “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học...”. Theo đó, trong chương trình phổ thông mới 2018, môn Ngữ văn coi trọng mục tiêu hình thành và phát triển năng lực ngữ văn, HS thành thạo 4 kỹ năng: đọc, viết, nói, nghe. Hoạt động ghi chép bài trên lớp có thể xem là một hoạt động viết cần chú ý rèn luyện cho HS. Hoạt động này bao gồm việc học sinh (HS) ghi chép bài học, xử lý thông tin trong lúc thu nhận được kiến thức, từ lời giảng của giáo viên, kết quả thảo luận, hoạt động của các nhóm khác,... thành kiến thức của riêng mình.

Tuy nhiên, thực tế việc dạy học Ngữ văn hiện nay chưa chú trọng đến việc rèn kỹ năng viết cho HS, trong đó có kỹ năng ghi chép bài trên lớp. Tình trạng đọc – chép, chiếu – chép, chép – chép vẫn tồn tại hết trong các giờ học văn. Có thể thấy, ngoại trừ một số ít lớp chuyên chọn HS có khả năng tự ghi bài (chủ yếu là ghi nhanh lời của thầy cô) thì còn lại HS phụ thuộc vào bài ghi/đọc của giáo viên. Điều đó, dẫn đến vở của HS thực chất là một sao chép lại những bài giáo án của GV một cách thụ động và vở ghi của các em hầu như giống nhau. Rõ ràng, kỹ thuật ghi chép là một trong những cách thức quan trọng để phát triển khả năng tự học, tinh thần tư duy sáng tạo của người học nhưng vấn đề này chưa được quan tâm đúng mức. Bài viết này nhằm đưa ra một số nguyên nhân dẫn đến việc ghi chép của HS chưa tốt, trên cơ sở đó chia sẻ một số

phương pháp mới trong việc hướng dẫn học ghi chép với mong muốn đổi mới cách thức dạy và học của giáo viên (GV) và HS đáp ứng nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng phát triển năng lực HS.

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở lý luận

Khái niệm ghi chép, kỹ năng ghi chép

Trong tiếng Anh, khái niệm “ghi chép” được hiểu là *bản viết tóm tắt, ngắn gọn nội dung nào đó để ghi nhớ hay để tham khảo cho lần sau*. Ghi chép theo nghĩa này được dùng trong nhiều lĩnh vực và phạm vi khác nhau, người ta có thể ghi chép trong lúc làm việc, học hành, nghiên cứu,... Xét ở góc độ trong hoạt động học tập, có thể hiểu ghi chép là hoạt động viết nhằm mục đích lưu lại những thông tin mà GV và bạn bè đã trình bày trên lớp, cũng như ghi lại những cảm xúc và tình cảm của HS về bài học. Với ghi chép của HS trở thành sản phẩm của cá nhân HS, chứa những ngôn từ, lời nói, thông tin, chứa đựng cảm xúc trong các hoạt động về bài học trên lớp. Như vậy, thành phẩm ghi chép được phản ánh sự hiểu bài hay nói cách khác là sự tiếp nhận tri thức của HS được thể hiện như thế nào.

Có nhiều cách định nghĩa về kỹ năng, bắt nguồn từ các góc nhìn chuyên môn và quan niệm khác nhau. Tác giả Đặng Thành Hưng (2013) cho rằng, *“kỹ năng là một dạng hành động được thực hiện tự giác dựa trên tri thức về công việc, khả năng vận động và những điều kiện sinh học - tâm lý khác của cá nhân như nhu cầu, tình cảm, ý chí, tính tích cực cá nhân... để đạt được kết quả theo mục đích hay tiêu chí đã định, hoặc mức độ thành công theo chuẩn hay quy định”* [1]. Các tác giả Levitov N. D. [2] và Platonov K. K. [3] nhìn nhận kỹ năng là kỹ thuật và kết quả hành động trong các mối quan hệ với mục đích, phương tiện, điều kiện cụ thể,...

Kỹ năng chỉ được hình thành khi áp dụng kiến thức vào thực tiễn thông qua một quá trình lặp đi lặp lại một hoặc một nhóm hành động nhất định nào đó một cách hiệu quả, có chủ đích và định hướng rõ ràng. Từ cách định nghĩa đó, chúng ta có thể hiểu: “Kỹ năng ghi chép trong giờ học là cách thức thực hiện thao tác viết bằng cách vận dụng kiến thức, kinh nghiệm, sử dụng ngôn ngữ để ghi lại thông tin bài học cũng như trải nghiệm cá nhân trong giờ học”.

Khái niệm năng lực, tiếp cận năng lực

Theo Từ điển tiếng Việt thì năng lực có 2 nghĩa chính, một là: “Khả năng, điều kiện chủ quan hoặc điều kiện tự nhiên sẵn có để thực một hoạt động nào đó”; hai là: “Chất lượng tâm lý và sinh lý tạo cho con người khả năng hoàn thành một loại hoạt động nào đó với chất lượng cao” [4]. Trong lĩnh vực giáo dục, cũng có nhiều định nghĩa khác nhau về năng lực. Nguyễn Thu Hà trong nghiên cứu về “Giảng dạy theo năng lực và đánh giá theo năng lực trong giáo dục: Một số vấn đề lý luận cơ bản” đã xem năng lực là sự kết hợp của các khả năng, phẩm chất, thái độ của một cá nhân hoặc tổ chức để thực hiện một nhiệm vụ có hiệu quả [5].

Trong khi đó, thông tư về đào tạo giáo viên của Bộ GD-ĐT định nghĩa “năng lực của người học đạt được sau khi tốt nghiệp là khả năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong... tương ứng với trình độ và ngành đào tạo trên cơ sở những kiến thức, kỹ năng, thái độ, ý thức trách nhiệm..., tính chủ động sáng tạo trong giải quyết các vấn đề liên quan, tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức...”, như vậy nhấn mạnh năng lực như là việc đạt đến kết quả đầu ra [6].

Như vậy, từ những cách hiểu về năng lực như trên, chúng ta có thể định nghĩa: “Năng lực là sự tích hợp các kiến thức, kỹ năng, khả năng, các đặc tính cá nhân khác (động cơ, tính cách, thái độ, giá trị...) để thực hiện các nhiệm vụ đạt theo chuẩn mực mong đợi trong một bối cảnh cụ thể”. Cách hiểu này thể hiện quan điểm năng lực là một thuộc tính đa chiều bao gồm nhiều thành tố. Nó cũng nêu rõ tính chất tích hợp của năng lực, đồng thời liệt kê cụ thể các thuộc tính con người như kiến thức, kỹ năng, thái độ,... là những khái niệm thường dùng trong đào tạo, giúp sử dụng năng lực như là chuẩn đầu ra trong đào tạo.

Khái niệm năng lực được xem như là đại diện cho những cải cách giáo dục được gọi dưới những cái tên như “giáo dục dựa trên năng lực” hay “giáo dục tiếp cận năng lực. Có thể hiểu rằng “Phương pháp tiếp cận năng lực là hướng tiếp cận tập trung vào đầu ra của quá trình dạy và học, trong đó nhấn mạnh các em cần đạt được các mức năng lực như thế nào sau khi kết thúc một chương trình giáo dục. Nói cách khác, chất lượng đầu ra đóng vai trò quan trọng nhất đối với đào tạo tiếp cận năng lực”.

2.2. Kết quả nghiên cứu thực trạng ghi bài của HS ở một số trường trung học tại Hà Nội

2.2.1. Khái quát về tổ chức khảo sát thực trạng

Mục tiêu và nội dung khảo sát: Mục tiêu khảo sát nhằm làm rõ thực trạng ghi chép của HS ở một số trường trung học tại Hà Nội với 04 nội dung sau: (1) Nhận thức của GV về sự cần thiết của khả năng tự ghi chép của HS; (2) Nhận thức của GV về những nguyên nhân dẫn đến tình trạng ghi chép của HS chưa tốt; (3) Nhận thức của GV về mức độ thực hiện việc hướng dẫn HS ghi chép; (4) Nhận thức của GV về hiệu quả của việc sử dụng các phương pháp để cải thiện khả năng ghi chép của HS.

Địa bàn và khách thể khảo sát: Khảo sát được thực hiện tại trường Trung học cơ sở Nghĩa Tân (Cầu Giấy) và trường Trung học cơ sở Đào Duy Từ (Thanh Xuân).

Mẫu khảo sát: gồm 15 GV đang dạy môn Văn tại 02 trường trên.

Phương pháp khảo sát: Sử dụng phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi, phương pháp thống kê toán học.

Thang đánh giá mức độ khảo sát được tính cho điểm trung bình (ĐTB) như sau:

Hiếm khi: $1 \leq \text{ĐTB} < 1.5$

Thỉnh thoảng: $1.5 \leq \text{ĐTB} < 2.5$

Bình thường: $2.5 \leq \text{ĐTB} < 3.5$

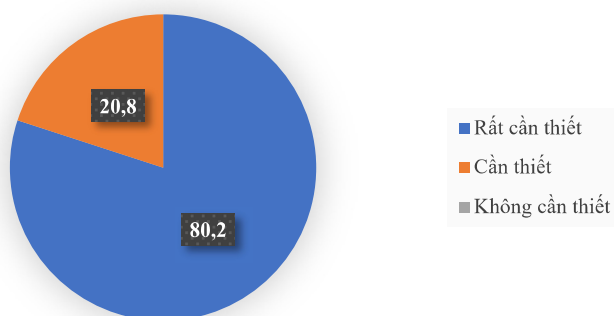
Thường xuyên: $3.5 \leq \text{ĐTB} < 4.5$

Rất thường xuyên: $4.5 \leq \text{ĐTB}$

2.2.2. Kết quả khảo sát thực trạng ghi bài của HS ở một số trường trung học cơ sở tại Hà Nội

2.2.2.1. Nhận thức của GV về tầm quan trọng của việc hướng dẫn HS ghi chép

80,2% số ý kiến cho rằng việc hướng dẫn HS ghi chép là rất cần thiết. Còn 20,8% ý kiến cho rằng việc hướng dẫn HS ghi chép là cần thiết. Không có ý kiến nào cho rằng việc hướng dẫn HS ghi chép là không cần thiết. Qua kết quả cho thấy rằng, đa số GV đều đánh giá rất cao tầm quan trọng, sự cần thiết trong việc hướng dẫn HS ghi chép.



Hình 1. Mức độ quan trọng của việc hướng dẫn HS ghi chép

2.2.2.2. Nhận thức của GV về những nguyên nhân dẫn đến tình trạng HS ghi chép chưa hiệu quả

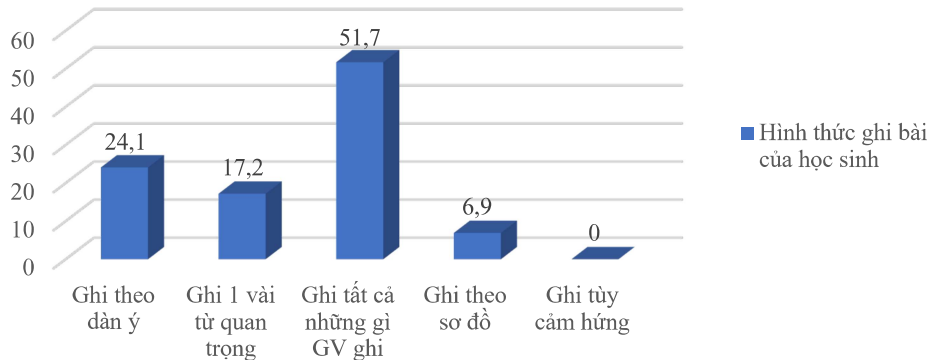
Bảng 1. Nhận định về các nguyên nhân dẫn đến tình trạng HS ghi chép chưa hiệu quả

Nguyên nhân	Các mức độ					Điểm TB
	Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng	Bình thường	Không ảnh hưởng lắm	Hoàn toàn không ảnh hưởng	
Phương pháp giảng dạy của GV chưa hiệu quả	2/15	10/15	3/15	0	0	3,93
Áp lực thi cử	1/15	12/15	2/15	0	0	3,93
Thói quen ghi chép từ lớp dưới	0	13/15	2/15	0	0	3,87
HS thụ động	1/15	10/15	4/15	0	0	3,80
Bài học dài	1/15	9/15	5/15	0	0	3,73
HS không có kỹ năng tổng hợp	2/15	9/15	4/15	0	0	3,87

Nhìn vào bảng kết quả cho thấy mức đánh giá trung bình của các GV dạy Ngữ văn về nguyên nhân dẫn đến tình trạng HS ghi chép bài chưa tốt đạt từ 3,73 đến 3,93 thể hiện mức độ “ảnh hưởng” của các nguyên nhân dẫn đến việc HS ghi chép chưa tốt. Ngoài ra tổng tỉ lệ GV phản hồi lựa chọn ở mức độ “ảnh hưởng” chiếm số lượng cao, ở hầu hết các tiêu chí là từ 09 GV – 13 GV lựa chọn. Đặc biệt, không có GV nào nhận các nguyên nhân được nêu “không ảnh hưởng” và “hoàn toàn không ảnh hưởng”. Do đó, nhìn chung các GV đều nhận thấy nhận thức của GV về nguyên nhân dẫn đến tình trạng HS ghi chép bài chưa tốt trong quá trình học tập là rất chính xác.

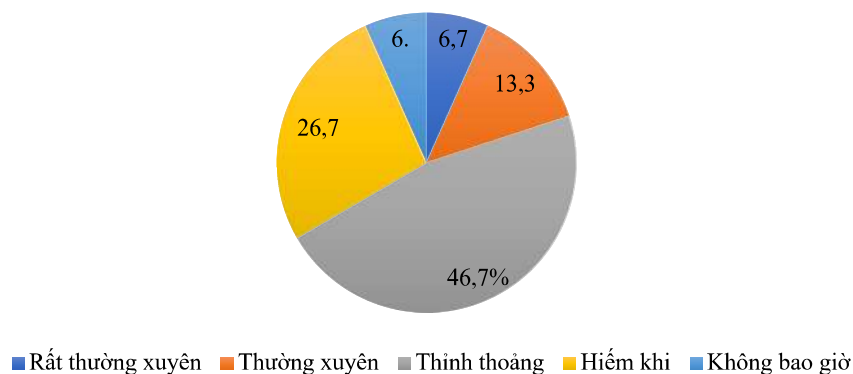
2.2.2.3. Nhận thức của GV về mức độ thực hiện việc hướng dẫn HS tự ghi chép

Khi phiếu điều tra hỏi GV: Theo thầy cô hình thức ghi bài nào đang phổ biến ở HS và GV có thể tích lựa chọn nhiều phương án, kết quả thu được phản ánh thực tế ghi chép hiện nay của HS. Phương án được GV chọn lựa nhiều nhất là “ghi tất cả những gì GV ghi”, điều này chứng tỏ sự thụ động và ỷ lại của HS và phản ánh thực tế GV chưa có phương pháp phù hợp hướng dẫn HS tự ghi chép bài học.



Hình 2. Hình thức ghi bài phổ biến hiện nay của HS

Hiện nay, GV vẫn thường soạn sẵn một nội dung ghi bài là những phần kiến thức cô đọng, ngắn gọn của bài học để viết lên bảng hoặc đọc cho HS chép. Phần kiến thức phải đảm bảo tóm gọn được những kiến thức HS cần nhớ, khi về nhà HS sẽ mở vở ra học thuộc, phần kiểm tra sau đó cũng sẽ xoay quanh những nội dung này, có vận dụng, mở rộng, liên hệ. Nhìn chung, cách ghi bài này rất hiệu quả với hướng tiếp cận nội dung mà GV đang giảng dạy trước đây. Dĩ nhiên, những phần ghi bài ngắn gọn, cô đọng những đơn vị kiến thức cần nhớ sẽ giúp HS lưu nhớ kiến thức dễ dàng và hiệu quả. Tuy nhiên, khi chuyển từ dạy học theo nội dung sang dạy học phát triển năng lực, chúng ta sẽ nhận ra cách ghi bài không còn phù hợp với sách giáo khoa mới và các phương pháp dạy học mới. Một số GV được phỏng vấn khi được hỏi, cách HS ghi bài theo dàn ý, theo sơ đồ tư duy hay một số từ khóa quan trọng là do GV làm sẵn để HS chép vào, còn nếu như HS tự làm thì chủ yếu rơi vào HS giỏi (tuy nhiên số lượng này rất ít).



Hình 3. Mức độ thực hiện việc hướng dẫn HS tự ghi chép

Hình 3 cho thấy mức độ GV hướng dẫn HS tự ghi chép trong môn Ngữ văn. Có thể thấy, chiếm 46,7%, gần một nửa GV hướng dẫn HS ghi bài ở mức độ “thỉnh thoảng” và có gần 7% GV không bao giờ hướng dẫn HS tự ghi bài. Khi được phỏng vấn số GV này cho rằng, bài dạy của môn Văn khá dài và nhiều kiến thức khó, nếu để HS tự ghi bài sẽ dẫn đến việc HS ghi không chính xác ảnh hưởng đến kết quả học tập của HS. Thực tế, suy nghĩ đó là suy nghĩ của phần lớn GV dạy văn hiện nay, khi mà những áp lực về việc thi cử với những thói quen HS đã hình thành nền nếp ghi bài ở các lớp dưới (đó là vở ghi của HS là bản tóm tắt kế hoạch bài dạy của GV).

2.2.2.4. Nhận thức của GV về hiệu quả của việc sử dụng các phương pháp hướng dẫn HS ghi chép

Bảng 2. Mức độ hiệu quả của việc sử dụng các phương pháp hướng dẫn HS ghi chép

Phương pháp	Các mức độ					Điểm TB
	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Ít hiệu quả	Không hiệu quả	
Ghi bài dưới dạng sơ đồ, bảng biểu	2/15	11/15	2/15	0	0	4,0
Thiết kế phiếu học tập	4/15	10/15	1/15	0	0	4,2
Phương pháp ghi chép theo dàn ý	5/15	7/15	3/15	0	0	4,1
Ghi bài theo phương pháp Cornell	1/15	5/15	9/15	0	0	3,5
Ghi chép tự do	0	4/15	9/15	2/15	0	3,1

Kết quả thống kê từ Bảng 2 cho thấy mức đánh giá trung bình của GV về hiệu quả của việc sử dụng phương pháp hướng dẫn HS ghi chép ở ngưỡng “hiệu quả” với 03 phương pháp: Phương pháp ghi chép theo dàn ý; Ghi bài dưới dạng sơ đồ, bảng biểu; Thiết kế phiếu học tập và ở ngưỡng “bình thường” ở 02 phương pháp: Ghi bài theo phương pháp Cornell; Ghi chép tự do, đây có thể xem là tỉ lệ phù hợp phản ánh đúng thực tế dạy học và áp dụng các phương pháp hướng dẫn HS ghi bài ở môn Ngữ văn trường phổ thông. Trong 5 phương pháp được phân loại mức độ hiệu quả cũng có tỉ lệ khác nhau. Cụ thể:

Phương pháp thiết kế phiếu học tập có điểm trung bình là 4,2. Điều này cho thấy các thầy cô cho rằng, việc GV thiết kế phiếu học tập dựa trên nội dung bài học giúp HS dễ dàng trong việc điền các thông tin kiến thức nếu có sự chuẩn bị bài đầy đủ.

Phương pháp ghi chép theo dàn ý có điểm trung bình xếp thứ hai là 4,1 đây cũng là tỉ lệ cao. Lí giải cho sự lựa chọn này, chúng tôi thấy hợp lí, thầy cô ghi những ý chính bài dạy lên bảng, và hướng dẫn HS tự ghi nội dung trong từng mục, từng phần. Nội dung ở đây có thể là câu trả lời, ý tưởng của HS; những phát biểu hay của các HS khác trong lớp hoặc là những nội dung mà GV nhấn mạnh để HS lưu ý.

Phương pháp hướng dẫn HS ghi bài dưới dạng sơ đồ, bảng biểu có điểm trung bình là 4,0 xếp ở ngưỡng “hiệu quả”. Đây cũng là tỉ lệ cao, tuy nhiên thấp hơn so với hai phương pháp trên. Có thể lí giải rằng, việc hướng dẫn HS ghi chép theo phương pháp này này đem lại hiệu quả, tuy nhiên các thầy cô không lạm dụng hình thức này mà khéo léo linh hoạt trong từng nội dung kiến thức để sử dụng. HS có thể sử dụng hình thức này tương đối phù hợp với khả năng tư duy và sự sáng tạo của các em.

Với 02 phương pháp: Ghi bài theo phương pháp Cornell; Ghi chép tự do hiệu quả ở mức “Bình thường”. Tuy nhiên, không có GV nào đánh giá đây là các phương pháp ít hiệu quả hoặc không hiệu quả. Lý do GV lựa chọn sự hiệu quả ít hơn ở các phương pháp này vì thực tế để HS có thể tự ghi chép theo phương pháp này đòi hỏi HS phải có năng lực và tư duy tốt, nó rất phù hợp với những HS giỏi và đam mê học văn. Với những HS khá và giỏi hoàn toàn có thể áp dụng và với những HS có học lực thấp hơn có thể cho các em tiếp cận ở một số bài để tránh việc các em thụ động và hoàn toàn dựa vào GV, trên cơ sở đó hiệu quả học tập của đối tượng HS này cũng tốt hơn.

2.2.3. Những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong kỹ năng ghi chép của HS

Theo góc nhìn thực tế, kỹ năng của HS không thể tự nhiên mà có mà nó được hình thành do sự tôi luyện của giáo viên. Việc ghi chép là của HS nhưng kỹ năng ghi chép của HS còn chưa tốt nguyên nhân sâu xa lại là do chính GV tạo ra. Vì vậy, khi nhìn nhận về những nguyên nhân của thực trạng này, chúng ta phải bắt đầu từ vấn đề phương pháp dạy học của GV.

Về phía giáo viên:

Đầu tiên là, áp lực về thành tích thi cử. Sự chậm trễ đổi mới kiểm tra đánh giá đã kéo giạt lùi quá trình đổi mới phương pháp dạy học, GV ngại không dám cởi trói lối tư duy dạy học cũ mòn. Kế hoạch bài dạy cũng phải bám vào tài liệu chuẩn để dạy. Ít có GV nào can đảm để HS tự học theo những gì các em thu hoạch được qua bài học để rồi tự do viết vào bài làm văn của mình. Vấn đề thành tích, điểm số đè nặng khiến GV không thể mạnh dạn tạo điều kiện cho HS phát huy tính chủ động tích cực trong giờ học.

Ngoài áp lực thành tích, một nguyên nhân khác không thể không kể tới chính là vấn đề phương pháp giảng dạy của giáo viên. Vì lý do thời gian tiết học hạn chế, vì ngại thay đổi kế hoạch bài học nên một số GV vẫn trung thành với kiểu dạy học truyền đạt, áp đặt kiến thức cho HS. Một giờ đọc hiểu theo kiểu đọc chép đơn giản hơn rất nhiều so với một giờ học có nhiều hoạt động học tập được tổ chức phong phú sinh động. Chính vì sự ngại khó ngại khổ đó mà GV không muốn thay đổi thói quen dạy học của mình.

Một đối tượng GV khác rất có ý thức và tâm huyết muốn thay đổi phương pháp dạy học nhưng lại thiếu kinh nghiệm trong việc hướng dẫn HS ghi chép bài. Càng tổ chức những hoạt động dạy học phong phú thì càng khó để dẫn dắt các em quay trở lại với việc ghi chép kiến thức một cách kịp thời và hiệu quả. Ví dụ như tổ chức dạy học hợp tác. Không ai có thể phủ nhận những hiệu quả mà phương pháp này mang lại. Tuy nhiên để điều khiển cho HS vừa báo cáo kết quả của nhóm mình, vừa lắng nghe ý kiến nhận xét, bổ sung của thầy cô và các bạn, vừa ghi chép kiến thức vào vở là một việc rất khó khăn mà không phải GV nào cũng có thể làm được. Hoạt động nhóm vốn dĩ đã mất nhiều thời gian nên GV sau đó cũng không thể để thời gian chết để HS tự ghi bài. Rõ ràng HS có thể tham gia hoạt động một cách sôi nổi nhưng sau đó không biết phải ghi chép như thế nào vào vở nếu GV không tổng hợp lại kết quả trên bảng hoặc trên máy chiếu. Vậy là sự đổi mới chỉ là nửa vời, không mang lại hiệu quả như mong muốn. Không phải GV không nhìn ra việc HS ghi chép bài một cách thụ động. Một vài GV có ý thức muốn thay đổi điều này. Họ muốn HS phải chủ động hơn với bài học của mình bằng cách tập cho HS tự ghi chép những nội dung bài học, những đơn vị kiến thức đơn giản. Tuy nhiên vì không chú ý đến cách thức hướng dẫn nên tất cả cũng chỉ dừng lại ở việc thử nghiệm, thay đổi không khí tiết học cho bớt nhàm chán chứ không phải là sự đầu tư thay đổi toàn diện về phương pháp dạy học.

Về phía HS:

Một là, thái độ và kỹ năng tự học của HS chưa tốt. Xuất phát từ việc không có hứng thú đối với môn Văn mà các em hầu như bỏ qua việc chuẩn bị bài chu đáo cho môn học này. Bản thân GV đã không coi trọng việc giao bài tập chuẩn bị bài cho HS (thường dặn dò rất qua loa vào cuối mỗi tiết học), câu hỏi hướng dẫn học bài trong sách giáo khoa lại khó, nhiều câu có tính chất định hướng chung chung, nếu dựa vào đó thì HS không thể tự mình trả lời được. Việc soạn bài đến lớp thành một cực hình và sách tham khảo học tốt là cách đối phó tối ưu. Trong tâm thế học Văn như vậy rõ ràng HS không thể tham gia tiết học một cách tích cực để có thể ghi chép

bài học một cách chủ động. Thái độ học tập thụ động cũng chính là lý do khiến HS hầu như không có khái niệm tự mình khám phá bài học và tự ghi nhận lại những điều đã thu thập được từ thầy cô, tài liệu tham khảo bên ngoài. Do sự tác động của nhiều yếu tố khách quan bên ngoài lẫn những vấn đề nảy sinh từ chính cách dạy của GV mà HS không có được cái háo hức muốn được khám phá một tác phẩm văn học để lên lớp tranh luận, phản biện cùng với thầy cô, bạn bè. Tự chiếm lĩnh kiến thức là một nền tảng tốt để HS có thể tự ghi chép bài học. Chỉ cần các em thâm nhập vào tác phẩm thì các em sẽ có hứng thú chủ động viết về nó, ngay cả khi GV không yêu cầu, không có ý định đọc cho các em chép.

Hai là, HS không có khả năng tổng hợp kiến thức và chuyển hóa kiến thức thành lời văn của mình. Việc tự ghi chép nội dung trong một bài đọc hiểu thực chất cũng gần giống như việc HS tự tạo lập một văn bản. Điều này thật sự “làm khó” cho những HS không có khả năng viết lách lưu loát. Ngoài những bài làm văn theo kiểm tra định kỳ bắt buộc thì việc phải tự tạo những bài ghi chép trong các giờ đọc hiểu mà không có sự giúp đỡ của GV là một thử thách mà chỉ có HS khá giỏi mới có thể làm được. Ngoài nguyên nhân là do chính năng lực của HS còn nhiều hạn chế cũng phải thấy trách nhiệm này thuộc về GV khi không có chủ ý uốn nắn, rèn luyện cho các em ngay từ khi bắt đầu thay đổi phương pháp từ những lớp nhỏ.

Nhìn chung, cả GV và HS đều có trách nhiệm trong việc để cho tình trạng đọc chép kéo dài trong suốt những năm đổi mới phương pháp dạy và học. Cần phải thấy rằng tất cả bắt nguồn từ chính tư duy và cách thức tổ chức giờ học của giáo viên. Trước khi đổ lỗi tại do năng lực của HS, GV nên tự nhận trách nhiệm về phía mình, từ đó dần dần thay đổi, làm cho HS ngày càng hứng thú với vai trò chủ động chiếm lĩnh kiến thức.

2.3. Đề xuất một số biện pháp hướng dẫn HS ghi chép bài trong bối cảnh HS học chương trình Ngữ văn mới

2.3.1. Thiết kế phiếu học tập

GV có thể chuyển hóa các yêu cầu, nhiệm vụ trong SGK thành mẫu phiếu học tập để HS thực hiện. Mẫu phiếu học tập GV nên đầu tư thiết kế đa dạng, màu sắc phù hợp với nội dung bài để hấp dẫn HS trong quá trình làm bài. Những mẫu phiếu học tập này sẽ thay thế nội dung ghi bài trong vở. HS có thể thảo luận nhóm, trao đổi cùng nhau để làm phiếu học tập, trình bày kiến thức vào phiếu và lên thuyết trình về thành quả của nhóm.

PHIẾU HỌC TẬP SAU KHI ĐỌC VĂN BẢN "THÁNH GIÓNG"

THỂ LOẠI:

PHƯƠNG THỨC BIỂU DẠT:

NHÂN VẬT CHÍNH:

BỐ CỤC:

TÓM TẮT SỰ KIỆN CHÍNH:

AT DESIGN

Name: _____ Class: _____

PHIẾU HỌC TẬP CÁ NHÂN

Lựa chọn một truyền thuyết mà con yêu thích, hãy hoàn thành phiếu học tập bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

Truyền thuyết mà con yêu thích là:

1. Tóm tắt ngắn gọn cốt truyện:

2. Nhân vật chính của câu chuyện là ai? Người đó có những chiến công gì?

3. Yếu tố lịch sử trong truyền thuyết:

4. Yếu tố kì ảo trong truyền thuyết:

AT DESIGN

Hình 4. Một số phiếu học tập trong chương trình Ngữ văn 6 – Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống và hoạt động ghi chép trên phiếu học tập của HS

2.3.2. Ghi bài theo dàn ý (Outline method)

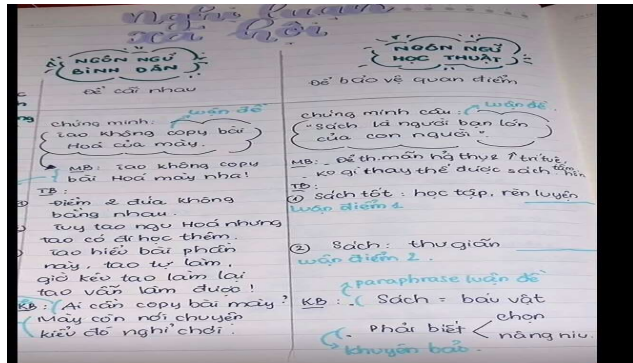
Phương pháp ghi bài theo dàn ý là phương pháp giúp HS sắp xếp thông tin một cách có khoa học khoa học, không mất nhiều thời gian tìm kiếm các ý kiến thức nằm ở đâu và có thể dễ dàng chỉnh sửa. HS sẽ dùng các ký tự để biểu thị những ý chính và những ý phụ. Khi ghi chép phương pháp này hướng HS tới một dàn ý bao gồm luận điểm lớn và những điểm nhỏ cần triển khai. Phương pháp Outline method có ưu điểm là dễ làm nổi bật những điều quan trọng theo một cấu trúc logic. Nếu kiên trì áp dụng HS sẽ cải thiện khả năng ghi nhớ tốt hơn.

Trình tự thực hiện phương pháp này có thể theo các bước:

Bước 1: Ghi lại theo tiêu đề: Ý chính (*main topic*)

Bước 2: Ghi các ý phụ hoặc khái niệm chính (*sub topic or key concept*)

Bước 3: Ý bổ sung cho ý phụ (*supporting details*).



Hình 5. Một ví dụ khi HS ghi bài theo dàn ý khai thác một đề văn nghị luận xã hội

HS có thể sử dụng phương pháp này khi ghi chép trên lớp, đọc sách giáo khoa tổng hợp kiến thức chuẩn bị cho bài học, hoặc HS hoàn toàn có thể sử dụng phương pháp này khi kết thúc tiết học, kiểm tra lại các ghi chú, nếu cần viết lại.

2.3.3. Ghi bài theo phương pháp Cornell

Hệ thống ghi chú Cornell là một hệ thống ghi chú được phát minh vào những năm 1940 bởi Walter Pauk, một giáo sư giáo dục tại Đại học Cornell. Việc sử dụng hệ thống Cornell có thể giúp HS sắp xếp các ghi chép, tích cực sáng tạo trong việc tiếp thu kiến thức, cải thiện kỹ năng học tập. Để thực hiện phương pháp này, HS thiết kế chia một trang vở ra làm 3 hoặc 4 phần, với 1 hàng ở đầu trang, 1 hàng ở dưới cùng và 2 cột ở giữa.



Hình 6. Một ví dụ về phương pháp Cornell

Cột bên trái khoảng 30% diện tích trang giấy và 70% còn lại dành cho cột bên phải. Những thông tin cần thiết, quan trọng sẽ được ghi vào cột bên phải, còn cột bên trái với diện tích ít hơn sẽ dùng để đặt câu hỏi, ghi những ghi chú và ý tưởng của HS. Cuối trang giấy là phần tổng hợp lại những nội dung kiến thức.

+ Phần NOTES: Dùng để ghi bài tại lớp, bao gồm các đề mục và ý chính của bài học.

+ Phần CUE: Dùng phần gợi ý để xem lại bài học sau khi đã ghi chép tại lớp. Sau khi học xong, ghi lại những điểm quan trọng cần nhớ, những lưu ý, nhắc nhở, những từ khoá quan trọng và những câu hỏi về bài học.

+ Phần SUMMARY: là phần ghi kết lại ở cuối. Phần này ghi lại những tổng kết về bài học, những điểm cần nhấn mạnh

**BÀI 9:
NHỮNG GÓC NHÌN CUỘC SỐNG**

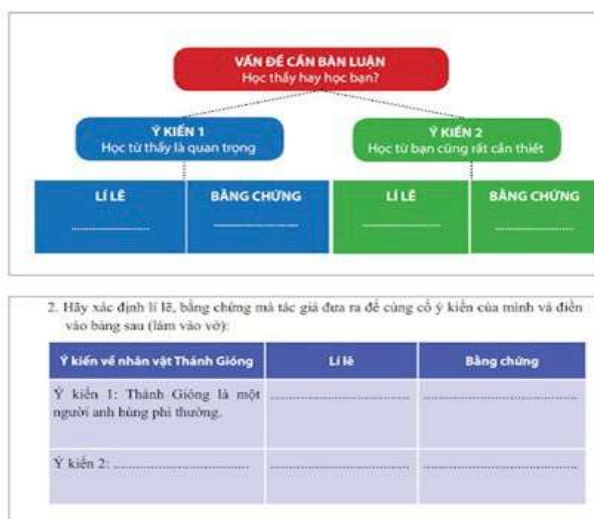
	A. ĐỌC
	I. Tìm hiểu tri thức đọc hiểu
Thuyết phục	Văn nghị luận: Vb có mục đích chính nhằm thuyết phục người đọc về một vấn đề.
Các yếu tố cơ bản của văn nghị luận phải liên kết chặt chẽ với nhau.	Yếu tố cơ bản của văn nghị luận: + Ý kiến + Lí lẽ + Bằng chứng (Xem sơ đồ SGK trang 41)
Bằng chứng có thể là gì?	
<i>Khi đọc văn NL cần quan tâm đến các yếu tố cơ bản của nó và mối tương quan giữa các yếu tố đó.</i>	

Hình 7. Ví dụ về bài dạy “Những góc nhìn cuộc sống” – Ngữ văn 6 – Bộ sách Chân trời sáng tạo

2.3.5. Ghi bài dưới dạng sơ đồ bảng biểu, hình ảnh

- *Sơ đồ bảng biểu*

Tùy vào những bài tập và những nhiệm vụ học tập phù hợp, GV có thể hướng dẫn HS ghi bài dưới dạng sơ đồ, bảng biểu để thể hiện những kiến thức cần có của bài học.



Hình 8. Một số câu hỏi đọc hiểu dưới dạng sơ đồ, bảng trong sách giáo khoa Ngữ văn 6 – bộ Chân trời sáng tạo.

- *Sơ đồ tư duy:*

Sơ đồ tư duy là dạng ghi chép mang tính tổng hợp cao hơn so với phương pháp ghi chép theo dàn ý đã nói ở trên. Để lập được sơ đồ tư duy, HS cũng phải chuẩn bị những bài tập giống

như khi ghi chép phương pháp dàn ý. Những bài tập này GV có thể cho HS làm dưới dạng bài tập về nhà chuẩn bị. Có một số thông tin HS có thể chuẩn bị trước ở nhà. Có một số thông tin các em sẽ tiếp tục phát triển khi ở trên lớp thông qua những câu hỏi mà GV đưa ra để thảo luận hay hoạt động nhóm. Để chuẩn bị cho phương pháp này, HS có thể lưu ý một số bước sau:

- Bước 1: Chuẩn bị giấy A4 nếu làm cá nhân và giấy A0 nếu làm nhóm với thật nhiều bút v đủ các màu sắc khác nhau (sự chuẩn bị này giúp HS trình bày kiến thức khoa học và dễ tìm kiếm);
- Bước 2: Ở giữa trang giấy ghi tên chủ đề hoặc dán hình ảnh có liên quan.
- Bước 3: Từ chủ đề chính vẽ các nhánh phụ. Lưu ý rằng không nên quá tham kiến thức viết quá nhiều chữ vào các ý phụ. HS cần ghi ý phụ bằng các từ khóa ngắn gọn và súc tích.
- Bước 4: Tiếp tục bổ sung các ý nhỏ hơn cho mỗi ý phụ và ở mỗi một nhánh HS nên sử dụng một màu sắc khác nhau.



Hình 9. Ví dụ tổng kết nội dung nghệ thuật bằng sơ đồ về bài Thánh Gióng – Ngữ văn 6 – Bộ kết nối tri thức với cuộc sống.

• **Hình ảnh:**

Sử dụng hình ảnh thay cho việc ghi chép kết hợp với thuyết trình là một cách thức khá hay nhằm thay đổi mô típ dạy học, cứ học là phải ghi và chép. Thông qua đó, với hình thức này có thể mở rộng tư duy cho học, không chỉ hình thành lời văn viết diễn đạt mà lời nói cũng trôi chảy, củng cố những kỹ năng mềm cần thiết cho các em.



Hình 10. Một số sản phẩm của HS và HS trình bày sản phẩm vẽ tranh về chi tiết yêu thích nhất trong truyện “Thánh Gióng”

2.3.6. Ghi bài tự do

GV cho HS ghi bài tự do ở một số những nhiệm học tập vụ đòi hỏi sự động não, huy động ý tưởng. Tất nhiên, khi chúng ta đã gọi là ghi chép tự do tức là không theo thứ tự, quy luật nào. GV có thể yêu cầu học sinh chờ một khoảng trống trong vở ghi và bắt đầu ghi lại bất kỳ ý tưởng nào nảy sinh ra trong đầu về nhiệm vụ học tập, ghi lại dưới dạng tự do như: từ ngữ, cụm từ, sơ đồ, hình vẽ,... và sau chuỗi các ý tưởng để giải quyết vấn đề do GV đặt ra.

3. KẾT LUẬN

Như vậy, có thể thấy rằng để HS có thể ghi chép tốt, GV cần xác định mục tiêu dạy học đúng đắn, có sự chuẩn bị chu đáo về phương pháp dạy học, hệ thống câu hỏi và các hình thức tổ chức dạy học,... Chúng ta cần hiểu đúng bản chất của hoạt động ghi chép bài học trên lớp để thấy được hết ý nghĩa của việc hướng dẫn HS cách ghi chép đúng phương pháp. Ghi chép không có nghĩa chỉ là tái hiện lại những nội dung của tiết học mà bao gồm trong đó nhiều năng lực của HS. Đó là sự tổng hợp năng lực đọc, viết, nghe, nói, năng lực sáng tạo, giải quyết vấn đề, năng lực cảm thụ văn chương,...

Và rằng, người viết trần trở điều khó khăn nhất là thói quen ghi chép thụ động đã quá ăn sâu vào cách học của HS, muốn thay đổi phải trải qua thời gian dài cùng với sự kiên nhẫn của cả thầy và trò. Có thể nhiều HS không thể ghi chép được gì trong tiết đầu tiên, nhưng đã dần tiến bộ hơn trong những lần ghi chép sau. Điều đó cho thấy, trong mỗi HS đều có những năng lực cần được khám phá và khơi dậy khi cần thiết.

Những nỗ lực của GV trong việc hướng dẫn HS ghi chép có phương pháp một mặt thể hiện sự coi trọng vai trò chủ thể và cá tính sáng tạo của người học, giúp GV tiếp cận gần hơn với mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp của HS; mặt khác góp phần chuẩn bị cơ sở cho việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục mới trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thành Hưng (2013), “Kĩ năng dạy học và tiêu chí đánh giá”, *Tạp chí Khoa học giáo dục* (88), tr. 5-9.
2. Levitov H. D. (1963), *Tâm lí học lao động*, Nxb. Matxcova.
3. Platonov K. K. (1963), “Về tri thức, kĩ xảo và kĩ năng (bản dịch tiếng Nga)”, *Tạp chí KH Xô viết*, số 11.
4. Hoàng Phê (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng.
5. Bộ GD-ĐT (2018), “Thông tư số 29/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên”.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
7. Nguyễn Thành Thi (2014), “Báo cáo đề dẫn: Dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực và yêu cầu “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học*, trường Đại học Sư phạm Tp. HCM.

SUGGESTING SOME METHODS OF THE NOTE-TAKING FOR HIGH SCHOOL PUPILS TOWARDS CAPACITY DEVELOPMENT

Abstract: *Note-taking skill is one of the important ways to develop learners' self-study ability and creative thinking spirit. However, the teaching of Literature has not presently focused on training writing skills for students, including note-taking at class. Recognizing the importance of students' note-taking, we point out some reasons of students' poor note-taking as well share some of new methods in guiding students to take notes aiming to improve the quality of training towards students' capacity development.*

Keywords: *Note-taking methodologies, students, method innovation, capacity approach.*